

**Bản án số: 74/2018/HS-ST
Ngày 15/6/2018**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẨM PHẢ, TỈNH QUẢNG NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh

Các hội thẩm nhân dân: Ông: Lương Công Tuyển và Bà: Phạm Thị Thúy Bình

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Phụng – Là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả tham gia phiên tòa:
Ông Đào Thế Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2018, tại Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 76/2018/TLST-HS ngày 21 tháng 5 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2018/QĐXXST-HS ngày 30/5/2018, đối với bị cáo:

Họ và tên: Trịnh Việt D; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: xx/x/xxxx, tại C, Quảng Ninh; Nơi ĐKKHKT: Tổ M, khu T, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trịnh Đức P và bà: Trần Thị H; Vợ: Đinh Thị Ngọc A và 01 con: sinh năm xxxx; Tiền án, Tiền sự: Không; Nhân thân: + Ngày 16/8/2011 bị Tòa án nhân dân thị xã C (nay là thành phố C) xử phạt 09 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”. Đến ngày 28/01/2012, thi hành xong bản án: + Ngày 08/5/2013, bị Tòa án nhân dân thành phố C xử phạt 18 tháng tù, về tội “Cướp giật tài sản”. Đến ngày 14/5/2014 thi hành xong bản án; Bị cáo bị bắt giữ trong trường hợp khẩn cấp ngày 03/4/2018, hiện tạm giam tại Nhà tạm giữ công an thành phố C – Có mặt tại phiên tòa.

- *Người bị hại:* Anh Trần Văn E; Sinh năm xxxx; ĐKKHKT tại: Tổ N, khu H1, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh – Có đơn xin xử án vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Chị Khuất Thị H, chị Đinh Thị Ngọc A – Điều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 22/3/2018, Trịnh Việt D phát hiện xe ô tô tải thùng màu trắng BKS 14C-xx.xxx do anh Trần Văn E điều khiển đỗ tại cửa hàng điện máy V thuộc tổ M, khu A, phường C, TP C trong cabin xe không có người, hai bên kính xe hạ xuống nên D đã chui người qua ô cửa kính của cabin, lấy chiếc

áo khoác da màu đen của anh E để trên ghế, trong túi áo có 4.300.000 đồng để trong ví và một số giấy tờ gồm: Giấy phép lái xe hạng C, Giấy phép lái xe mô tô và chứng minh thư mang tên Trần Văn E và giấy đăng ký xe mô tô mang tên Trần Kim A, giấy đăng ký xe mô tô mang tên Đỗ Thị N và thẻ hội viên Hội cựu chiến binh. Sau khi lấy được tài sản, D đi đến khu vực tổ H, khu B, phường C rồi mở ví của anh E lấy số tiền 4.300.000 đồng để đi ăn tiêu, chiếc ví D vứt đi còn giấy tờ và chiếc áo da thì mang về nhà cất giấu. Qua hình ảnh camera của cửa hàng V anh E biết D lấy trộm tài sản nên đã gặp D và được trả lại toàn bộ giấy tờ, đến ngày 03/4/2018 anh em đến Công an trình báo và giao nộp toàn bộ giấy tờ trên.

Tại bản Kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố C số 27/KL-HĐĐGTS ngày 10/4/2018, kết luận: Chiếc áo khoác da màu đen, nhãn hiệu Deichmann trị giá 1.000.000 đồng.

Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố C đã thu giữ và trả lại cho anh Trần Văn E chiếc áo khoác da cùng toàn bộ giấy tờ.

Tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa bị cáo Trịnh Việt D khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, bị cáo thừa nhận do thiếu tiền chi tiêu sinh hoạt nên đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của anh Trần Văn E, Viện kiểm sát nhân dân thành phố C truy tố đối với bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, không oan.

Anh Trần Văn E – là người bị hại trong vụ án có lời khai tại hồ sơ vụ án và tại đơn xin xử án vắng mặt cụ thể như sau: Khoảng 11 giờ ngày 22/3/2018 anh phát hiện bị mất trộm chiếc áo khoác da cùng ví đựng tiền và giấy tờ cá nhân gồm: Giấy phép lái xe hạng C, Giấy phép lái xe mô tô và chứng minh thư mang tên anh; Giấy đăng ký xe mô tô mang tên Trần Kim A, giấy đăng ký xe mô tô mang tên Đỗ Thị N và thẻ hội viên Hội cựu chiến binh. Sau khi phát hiện biết D là người trộm cắp tài sản nên anh đã đến nhà D để yêu cầu trả lại giấy tờ, sau đó anh mang đến nộp tại cơ quan cảnh sát điều tra. Quá trình điều tra anh đã được trả lại giấy tờ tùy thân và chiếc áo khoác da còn chiếc ví da cũ bị cáo đã vứt đi anh không yêu cầu bồi thường, anh yêu cầu bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường số tiền 4.300.000 đồng và đề nghị Hội đồng xét xử xử bị cáo theo quy định của pháp luật, không cho bị cáo được hưởng án treo.

Người làm chứng là chị Khuất Thị H vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai tại hồ sơ vụ án thể hiện: Khoảng 10 giờ 15 phút ngày 22/3/2018 anh E điều khiển chiếc xe tải thùng kín, nhãn hiệu Kia, BKS 14C-xx.xxx chở chị đến cửa hàng điện máy V để thu mua giấy vụn, lúc xuống xe chị thấy anh E cởi chiếc áo khoác da màu đen để ở ghế phụ của buồng lái ô tô rồi xuống bốc giấy lên xe, lúc đó hai bên cửa xe ở buồng lái đều không khóa và kính chắn gió đều hạ xuống. Khoảng 11 giờ cùng ngày chị và anh E lên cabin để chuẩn bị về thì không thấy chiếc áo khoác da của anh E nữa, trong đó còn có một số giấy tờ và số tiền hơn 4 triệu đồng, sau đó anh E đến cơ quan công an để trình báo.

Bản cáo trạng số 83/CT-VKSCP ngày 18/5/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố C truy tố bị cáo Trịnh Việt D về tội “Trộm cắp tài sản”, theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Trịnh Việt D về tội “Trộm cắp tài sản”, đề nghị Hội đồng xét xử: ,p dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự,

xử phạt: Trịnh Việt D từ 12 (Mười hai) đến 15 (Mười lăm) tháng tù, thời hạn tù kể từ ngày 03/4/2018.

Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Khoản 1 Điều 584, Điều 589, 357 Bộ luật dân sự năm 2015; Buộc bị cáo D phải trả cho anh Trần Văn E số tiền 4.300.000 đồng.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Tại phiên tranh luận, bị cáo không tranh luận với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát, bị cáo thấy ân hận với hành vi phạm tội của mình, bố bị cáo lại là người có công với cách mạng nên đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt đến mức thấp nhất để bị cáo sớm được trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục được qui định trong Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Trịnh Việt D không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đối với người bị hại có đơn xin xử án vắng mặt và những người làm chứng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Xét thấy quá trình điều tra đã có đầy đủ lời khai, ý kiến của người bị hại và người làm chứng, nên việc vắng mặt không gây trở ngại cho việc xét xử. Căn cứ vào điều 292, 293 Bộ Luật tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử, chủ tọa phiên tòa công bố lời khai của anh Trần Văn E và những người làm chứng trong quá trình điều tra.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo Trịnh Việt D khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với nội dung bản cáo trạng, phù hợp với: Biên bản tiếp nhận nguồn tin về tội phạm; Biên bản giữ người trong trường hợp khẩn cấp; Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu lập ngày 03/4/2018; Bản kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 27/KL-HĐĐGTS ngày 10/4/2018; Bản ảnh và biên bản xác định địa điểm; Bản ảnh vật chứng; Biên bản thực nghiệm điều tra; Sơ đồ hiện trường; Biên bản xem và xác định hình ảnh video. Ngoài ra lời khai của bị cáo còn phù hợp với lời khai của người bị hại và những người làm chứng cùng với các tài liệu điều tra khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 22/3/2018, tại tổ M, khu A, phường C, thành phố C bị cáo Trịnh Việt D lợi dụng lúc người bị hại là anh Trần Văn E không trông coi, quản lý tài sản trên cabin và không kéo kính chắn gió xe ô tô đã có hành vi lén lút trộm cắp 01 chiếc áo da đã cũ nhãn hiệu Deichmann trị giá 1.000.000 đồng bên trong áo có 01 ví da để cất giữ số tiền 4.300.000 đồng cùng với một số giấy tờ tùy thân, tổng giá trị tài sản bị cáo trộm cắp của anh E là 5.300.000 đồng.

Hành vi phạm tội của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố C truy tố đối với bị cáo Trịnh Việt D nên chấp nhận lời luận tội của Kiểm sát viên đối với bị cáo.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác đã được pháp luật bảo vệ, mà còn xâm phạm đến trật tự công cộng, gây tâm lý hoang mang cho quần chúng nhân dân trong việc quản lý tài sản, gây bất bình trong xã hội. Bị cáo ý thức được tài sản của người khác là bất khả xâm phạm nhưng do thiếu rèn luyện, lười lao động nên đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nhằm mục đích đem bán để lấy tiền ăn tiêu, vì vậy hành vi phạm tội của bị cáo cần phải xử lý nghiêm để cải tạo giáo dục riêng bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Xem xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo thấy rằng: Bị cáo đã từng bị Tòa án nhân dân thành phố C xử 02 lần về tội “Trộm cắp tài sản” và “Cướp giật tài sản”, đã được xóa án tích nhưng không lấy đó làm bài học rút kinh nghiệm lại tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản chứng tỏ bị cáo thiếu ý thức chấp hành pháp luật. Tuy nhiên bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bố bị cáo đã có công trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhì và là Thương binh loại A, đây là những tình tiết để Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để bị cáo thấy được tính nhân đạo của pháp luật. Nhưng dù xem xét đến đâu cũng cần bắt bị cáo phải cách ly khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo thành công dân có ích cho gia đình và xã hội đúng như lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[6] Hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại anh Trần Văn E đã được nhận lại chiếc áo da cùng với giấy tờ tùy thân, chiếc ví da bị cáo vứt đi cơ quan cảnh sát điều tra đã truy tìm nhưng không thấy và đã cũ nên anh E không yêu cầu bồi thường. Số tiền 4.300.000 đồng bị cáo trộm cắp được và đã ăn tiêu hết, anh E yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền này nên buộc bị cáo có trách nhiệm trả lại cho anh E.

[8] Vật chứng vụ án: Chiếc áo da và những giấy tờ tùy thân bị cáo lấy của người bị hại đã được Cơ quan CSĐT Công an thành phố C trả lại cho người bị hại theo đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét. Cơ quan cảnh sát điều tra còn thu giữ 01 USB nhãn hiệu Kingston 8GB, màu trắng bạc do người bị hại cung cấp đây là chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo cần lưu trữ cùng hồ sơ vụ án.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 1 Điều 173; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017;

Tuyên bố: Bị cáo Trịnh Việt D phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Trịnh Việt D 12 (Mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt (ngày 03/4/2018).

Căn cứ: Khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017; Khoản 1 Điều 584; Điều 589, 357 Bộ luật dân sự năm 2015;

Buộc bị cáo phải trả cho anh Trần Văn E số tiền 4.300.000 đồng (Bốn triệu ba trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, người bị hại là anh Trần Văn E có đơn yêu cầu thi hành án mà bị cáo không thi hành thì hàng tháng còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Căn cứ: Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Trịnh Việt D phải nộp: 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm cả mặt: bị cáo, vắng mặt người bị hại. Báo cho biết bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh QN;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh QN;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.C;
- CQĐT TP C, CQ THA hình sự;
- Trại tạm giam Công an tỉnh QN;
- Chi cục thi hành án dân sự TP.C;
- Bị cáo, Người bị hại;
- Lưu hồ sơ, lưu văn phòng.

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Quỳnh

